

Số **350** /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày **25** tháng 2 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành các định mức kỹ thuật tạm thời áp dụng cho các mô hình
thuộc dự án khuyến nông lĩnh vực Lâm nghiệp**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính-Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 38/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Xét đề nghị của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tại công văn số 21/KHLN-KH ngày 14/01/2013 và Biên bản thẩm định ngày 28/01/2013 của Hội đồng thẩm định định mức KTKT áp dụng cho mô hình khuyến nông thành lập theo Quyết định số 132/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/01/2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định mức kỹ thuật tạm thời áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông Trung ương lĩnh vực Lâm nghiệp (chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Thủ trưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án; Giám đốc Trung tâm

khuyến nông Quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT, KHCN. (15 bản)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Bá Bổng

Bùi Bá Bổng

**ĐỊNH MỨC TAM THỜI ÁP DỤNG TRONG CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG
TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số: **350 /QĐ-BNN-KHCN** ngày **25 / 2 /2013**
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Mô hình phục hồi rừng Luồng bị thoái hóa

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Đối tượng

Rừng luồng thuần loài trồng đúng lập địa theo Quy phạm kỹ thuật trồng và khai thác của Bộ Nông nghiệp và PTNT (2000) nhưng bị thoái hóa do các nguyên nhân sau:

- Rừng luồng bị thoái hóa do đất xấu: Tỷ lệ cây hoặc bụi bị sâu, bệnh nhỏ hơn 10%. Trong quá trình canh tác không bón phân, không xới xáo, đất cằn cỗi và luồng xấu.
- Rừng luồng bị thoái hóa do khai thác quá mức: Tỷ lệ cây hoặc bụi bị sâu bệnh nhỏ hơn 10%. Khai thác quá mức so với Quy phạm kỹ thuật.
- Rừng luồng bị thoái hóa do sâu vòi voi: Rừng luồng trồng đúng lập địa và khai thác theo đúng Quy phạm kỹ thuật, số cây (măng) bị sâu vòi voi đục chiếm trên 25%.
- Mật độ trung bình hiện tại: 250 bụi/ha (từ 150 bụi-350 bụi/ha).

1.2. Kỹ thuật phục hồi

- Phục hồi rừng luồng thoái hóa do đất xấu: Bón phân (5kg phân hữu cơ và 3kg phân NPK/bụi cho năm 1 và năm 2; năm 3 bón 3kg phân hữu cơ và 2kg phân NPK/bụi, chia làm 2 lần/năm). Cuốc lật đất vành khăn quanh bụi luồng. Phát dọn thực bì.

- Phục hồi rừng luồng thoái hóa do khai thác quá mức: Hạn chế khai thác, kết hợp bón phân (3kg phân hữu cơ và 2 kg phân NPK/bụi cho năm 1 và năm 2; năm thứ 3 bón 2 kg phân hữu cơ và 1 kg phân NPK/bụi, chia làm 2 lần/năm). Cuốc lật đất vành khăn quanh bụi luồng. Phát dọn thực bì.

- Phục hồi rừng luồng thoái hóa do sâu vòi voi. Dùng túi nilon chụp vào măng, kết hợp bón phân (3kg phân hữu cơ và 2 kg phân NPK/bụi cho năm 1 và năm 2; năm thứ 3 bón 2 kg phân hữu cơ và 1 kg phân NPK/bụi, chia làm 2 lần/năm). Cuốc lật đất vành khăn quanh bụi luồng. Phát dọn thực bì.

2. Vật tư hỗ trợ (cho 1ha)

TT	Nguyên nhân thoái hóa	Thời gian	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu của chương trình	Mức hỗ trợ	
						Vùng miền núi (50%)	Vùng khó khăn (100%)
1	Thoái hóa do đất xấu	Năm 1	Phân bón NPK 5:10:3	kg	750	375	750
			Phân hữu cơ	kg	1.250	625	1250
		Năm 2	Phân bón NPK 5:10:3	kg	750	375	750
			Phân hữu cơ	kg	1.250	625	1250
		Năm 3	Phân bón NPK 5:10:3	kg	500	250	500
			Phân hữu cơ	kg	750	375	750
2	Thoái hóa do khai thác quá mức	Năm 1	Phân bón NPK 5:10:3	kg	500	250	500
			Phân hữu cơ	kg	750	375	750
		Năm 2	Phân bón NPK 5:10:3	kg	500	250	500
			Phân hữu cơ	kg	750	375	750
		Năm 3	Phân bón NPK 5:10:3	kg	250	125	250
			Phân hữu cơ	kg	500	250	500
3	Thoái hóa do sâu vôi vôi	Năm 1, 2 và 3	Túi nilon	túi	1.500	750	1.500
			Năm 1	Phân bón NPK 5:10:3	kg	500	250
		Phân hữu cơ		kg	750	375	750
		Năm 2	Phân bón NPK 5:10:3	kg	500	250	500
			Phân hữu cơ	kg	750	375	750
		Năm 3	Phân bón NPK 5:10:3	kg	250	125	250
Phân hữu cơ	kg		500	250	500		

3. Triển khai xây dựng mô hình

Áp dụng cho cả 3 loại rừng thoái hóa là thoái hóa do đất cằn; thoái hóa do khai thác quá mức và thoái hóa do sâu vôi vôi.

TT	Hạng mục	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
1	Tập huấn	- Chuyển giao kỹ thuật phục hồi rừng luồng thoái hóa 1 lần. - Tập huấn nhân rộng mô hình 1 lần	- Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc luồng 1 lần. - Tập huấn nhân rộng mô hình 1 lần	- Chuyển giao kỹ thuật khai thác luồng 1 lần. - Tập huấn nhân rộng mô hình 1 lần
2	Thông tin, tuyên truyền	Xây dựng biển quảng cáo mô hình	Viết bài quảng bá mô hình	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng
3	Tham quan, hội thảo, tổng kết	- Tham quan 1 lần - Sơ kết 1 lần	Sơ kết 1 lần	Tổng kết, hội thảo 1 lần
4	Cán bộ chỉ đạo 1 người/20-25ha	9 tháng	9 tháng	9 tháng

GH